

Bản án số: 932/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Nhung.

2/ Ông Nguyễn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Đông- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2016/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2812/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Viết P, sinh năm 1954.

Địa chỉ thường trú: Đường M1, Phường N1, Quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Đường M2, Phường N2, quận P2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Bị đơn: Bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T), sinh năm 1970.

Quốc tịch: Canada.

Địa chỉ: Canada.

(Đều vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/4/2016 và bản tự khai ngày 20/5/2016 của nguyên đơn ông Đoàn Viết P trình bày:

Ông và bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 594, Quyền số 02 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2006. Sau khi kết hôn, bà Tran Thi Ngoc T (Trần

Thị Ngọc T) trở về Canada sinh sống và làm việc. Ông vẫn sống và làm việc tại Việt Nam. Năm 2007, bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) có làm thủ tục bảo lãnh ông sang Canada để đoàn tụ gia đình nhưng không thành do ông không hoàn thành được bài phỏng vấn để được sang Canada định cư và từ đó cho đến nay ông và bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) không còn liên lạc với nhau. Nay ông và bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) mỗi người sống một nơi, điều kiện sống chung không có, tình cảm không được vun đắp, khả năng đoàn tụ gia đình không có. Do đó, ông P làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị được ly hôn với bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Đoàn Viết P khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Đoàn Viết P khai không có.

Ngày 21/6/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 643/UTTPDS-TGD về việc ủy thác tư pháp lần 1 gửi Bộ Tư pháp đề nghị chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp tới cơ quan có thẩm quyền của Canada thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo vụ án được đưa ra hòa giải vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20 tháng 01 năm 2017 và xét xử vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 14 tháng 02 năm 2017 đối với bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T).

Ngày 29/7/2016, Bộ Tư pháp đã có công văn số 3301/BTP-PLQT gửi Bộ Ngoại giao hồ sơ ủy thác tư pháp lần 1 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Canada.

Ngày 05/4/2017, Bộ Tư pháp đã có công văn số 1251/BTP-PLQT về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, theo đó cơ quan đại diện của Việt Nam tại Canada đã gửi thông báo cho đương sự và niêm yết hồ sơ tại Đại sứ quán. Tuy nhiên, cho đến nay đương sự không có hồi âm hoặc đến Đại sứ quán nhận hồ sơ tổng đạt.

Ngày 19/10/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 540/UTTPDS-TA30 về việc ủy thác tư pháp lần 2 gửi Bộ Tư pháp đề nghị chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp tới cơ quan có thẩm quyền của Canada thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo vụ án được đưa ra hòa giải vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 15 tháng 6 năm 2018 và xét xử vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 16 tháng 7 năm 2018 đối với bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T).

Ngày 04/01/2018, Bộ Tư pháp đã có công văn số 18/CH-BTP gửi Bộ Tổng Chương lý Tòa án bang Ontario, Canada hồ sơ ủy thác tư pháp lần 2 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tổng đạt đối với bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 16/7/2018, nguyên đơn ông Đoàn Viết P có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công việc, không sắp xếp được thời gian để có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Bị đơn bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ hai lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Đoàn Viết P được ly hôn với bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T).

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) có quốc tịch Canada, đang cư trú hợp pháp tại Canada thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt của các đương sự: Xét ông Đoàn Viết P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp hợp lệ hai lần thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đoàn Viết P và bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[II]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Đoàn Viết P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 594, Quyền số 02 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2006 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đoàn Viết P và bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông P khai rằng ông bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) trở về Canada sinh sống và làm việc. Ông P vẫn sống và làm việc tại Việt Nam. Năm 2007, bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) có làm thủ tục bảo lãnh ông P sang Canada để đoàn tụ gia đình nhưng không thành do ông P không hoàn thành được bài phỏng vấn để được sang Canada định cư và từ đó cho đến nay ông P và bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) không còn liên lạc với nhau. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình;

nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông Đoàn Viết P và bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp nên ông P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Đoàn Viết P phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Đoàn Viết P phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm a Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Viết P.

Quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Viết P được ly hôn với bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T).

Giấy chứng nhận kết hôn số 594, Quyền số 02 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2006 cho ông Đoàn Viết P và bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đoàn Viết P phải chịu án phí số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2011/02720 ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Đoàn Viết P phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Ông P đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Đoàn Viết P nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối bà Tran Thi Ngoc T (Trần Thị Ngọc T) thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA